TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44 /2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2020
"V/v Ly hôn giữa anh C và chị M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà* **HUỲNH THỊ CẨM**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 769/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Thân Trọng C**, sinh năm 1973.
Địa chỉ: tổ 8, ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ M**, sinh năm 1972.
Địa chỉ: tổ 8, ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Ông C có mặt, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thân Trọng C trình bày: Do quen biết nên ông và bà M tiến đến hôn nhân năm 1995, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bà M thường hay cờ bạc(chơi số đề) gây nợ nần, ông đã

khuyên nhiều lần không được, bà M còn dùng lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm ông làm cho tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Thân Trọng P sinh năm 1997 đã có gia đình riêng và Thân Trọng Q sinh ngày 28/3/2005 hiện vẫn sống chung gia đình.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận

Nợ chung: Không có.

Ông C xin được ly hôn với bà M. Con chung cháu Q giao cho bà M nuôi, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Tại tờ tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông C về thời gian tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn không có gì lớn, bà không có cờ bạc gây nợ nần. Do ông C không cho ngủ chung giường nên bà có lớn tiếng, bà hứa sẽ khắc phục.

Bà M không đồng ý ly hôn với ông C. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì bà sẽ nuôi cháu Q, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Về tố tụng thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng qui định pháp luật nên không có ý kiến gì. Về việc giải quyết vụ án thấy rằng mâu thuẫn giữa ông C và bà M đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho ông C ly hôn bà M. Con chung có nguyện vọng sống với bà M nên giao con cho bà M nuôi, ghi nhận sự tự nguyên cấp dưỡng của ông C. Tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông C, bà M tiến đến hôn nhân tháng vào 1995 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, ông C phải trả tiền nợ của bà M nhiều lần do bà tham gia cờ bạc từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tuy 02 người còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Đối với bà M tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng cho đương sự thời gian suy nghĩ và hòa giải lại tuy nhiên từ sau lần hòa giải ngày 25/12/2019 bà M dù được triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải và xét xử nhưng không tham gia. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét cho ông C được ly hôn với bà M là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Thân Trọng P sinh năm 1997 đã có gia đình riêng và Thân Trọng Q sinh ngày 28/3/2005. Tại phiên tòa ông C để cho bà M nuôi con do cháu Q thích sống cùng mẹ hơn. Xét thấy, công việc của ông C là tài xế nên ít có thời gian chăm sóc con chung, đồng thời cháu Q cũng có nguyện vọng sống cùng bà M nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 3.000.000đồng. Xét thấy việc tự nguyện trên phù hợp qui định pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận và án phí cấp dưỡng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[8] Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 111, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của ông Thân Trọng C.

1. Về hôn nhân: Cho ông Thân Trọng C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Thân Trọng Q sinh ngày 28/3/2005 cho bà Nguyễn Thị Mỹ M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Thân Trọng C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 3.000.000đồng đến khi đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông C chậm thi hành đối với số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Ông C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí phần nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002643 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên phải nộp tiếp 300.000đ.

4. Về thời hạn kháng cáo: Ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bà M thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết. Riêng phần quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH